

**CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN BSC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN BSC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BSC GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110675774

**3. Ngày thành lập:** 05/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 3, số 9 Phố Đinh Lễ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0972298484

Fax:

Email: tra@ttglobal.com.vn

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                           | 8230     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299     |
| 3.  | Giáo dục nhà trẻ<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                   | 8511     |
| 4.  | Giáo dục mẫu giáo<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                  | 8512     |
| 5.  | Giáo dục tiểu học<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                  | 8521     |
| 6.  | Giáo dục trung học cơ sở<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)           | 8522     |
| 7.  | Giáo dục trung học phổ thông<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)       | 8523     |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                     | 8531     |
| 9.  | Đào tạo trung cấp<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                  | 8532     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Đào tạo cao đẳng<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8533        |
| 11. | Đào tạo đại học<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8541        |
| 12. | Đào tạo thạc sỹ<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8542        |
| 13. | Đào tạo tiến sỹ<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8543        |
| 14. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8551        |
| 15. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8552        |
| 16. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng;<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);- Giáo dục dự bị; Đào tạo trải nghiệm, kỹ năng; Đào tạo về sự sống;- Đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nói trước công chúng;<br>( Nội dung hoạt động kinh doanh cụ thể thực hiện theo giấy phép của cơ quan chuyên ngành cấp)                                                                      | 8559        |
| 17. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8560        |
| 18. | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế<br>( trừ kiểm toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6920        |
| 19. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư; Tư vấn, hướng dẫn và trợ giúp điều hành đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác trong vấn đề quản lý, như lập chiến lược và kế hoạch hoạt động, mục tiêu và chính sách thị trường, chính sách nguồn nhân lực, thực thi và kế hoạch; tiến độ sản xuất và kế hoạch giám sát.; Tư vấn quản trị doanh nghiệp; Tư vấn, hướng dẫn hoặc trợ giúp hoạt động đối với doanh nghiệp hoặc các dịch vụ cộng đồng. | 7020(Chính) |
| 20. | Quảng cáo<br>( trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7310        |
| 21. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>( không bao gồm dịch vụ điều tra và Nghiên cứu, thăm dò các thông tin nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7320        |
| 22. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                             | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ TRÀ  | Việt Nam  | 502-B7 Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | 2.800.000.000         | 56,000    | 024184013406                                                                                            |         |
| 2   | DƯƠNG TRỌNG TẤN | Việt Nam  | Số 6B14, khu đô thị Mỹ Đình 1, tổ 8, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 1.100.000.000         | 22,000    | 025082007404                                                                                            |         |
| 3   | LÊ THỊ YẾN      | Việt Nam  | P207 nhà A, tổ 16, Ttvhnt, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam              | 1.100.000.000         | 22,000    | 038181031169                                                                                            |         |

8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ TRÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024184013406

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 502-B7 Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 502-B7 Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội